

KẾ HOẠCH GIÁO DỤC NĂM HỌC 2025 - 2026 LỚP MẪU GIÁO 4 TUỔI TRUNG TÂM

TT	Mục tiêu giáo dục	Nội dung giáo dục	Điều chỉnh bổ sung
1. Giáo dục phát triển thể chất			
a. Phát triển vận động			
1	Trẻ thực hiện đúng, đầy đủ, nhịp nhàng các động tác trong bài thể dục theo hiệu lệnh	- Hô hấp: Hít vào, thở ra - Tay: + Đưa 2 tay lên cao, ra phía trước, sang 2 bên (kết hợp với vẫy bàn tay, nắm, mở bàn tay) + Co và duỗi tay, vỗ 2 tay vào nhau (phía trước, phía sau) - Lưng, bụng, lườn: + Cúi về phía trước, ngửa người ra sau. + Quay sang trái, sang phải. + Nghiêng người sang trái, sang phải. - Chân: + Nhún chân + Ngồi xổm, đứng lên, bật tại chỗ. + Đứng, lần lượt từng chân co cao đầu gối.	
2	Trẻ giữ được thăng bằng cơ thể khi thực hiện vận động:	- Đi trên ghế thể dục, đi trên vạch kẻ thẳng trên sàn	
	- Trẻ bước đi liên tục trên ghế thể dục hoặc trên vạch kẻ thẳng trên sàn	- Bật liên tục về phía trước	
		- Bật xa 35 - 40 cm - Bật - nhảy từ trên cao xuống (cao 30 - 35 cm)	

		- Bật tách chân, khép chân qua 5 ô. - Bật qua vật cản cao 10 - 15 cm - Nhảy lò cò 3 m	
3	Trẻ giữ được thăng bằng khi đi bước lùi liên tiếp khoảng 3m	- Đi bằng gót chân, Đi khuyu gối, Đi lùi	
4	Trẻ kiểm soát được vận động: Đi/chạy thay đổi hướng vận động đúng tín hiệu vật chuẩn (4-5 vật chuẩn đặt đích dắc)	- Đi, chạy thay đổi tốc độ theo hiệu lệnh, đích dắc (đổi hướng) theo vật chuẩn	
5	Trẻ biết phối hợp tay - mắt trong vận động: - Trẻ biết tung bắt bóng với người đối diện (cô/bạn) bắt được 3 lần liên không rơi bóng (khoảng cách 3m)	- Tung bắt bóng với người đối diện - Tung bóng lên cao và bắt	
6	Trẻ biết ném trúng đích đứng (xa 1,5 m x cao 1,2 m)	- Ném trúng đích bằng 1 tay	
7	Trẻ tự đập - bắt bóng được 4-5 lần liên tiếp	- Đập và bắt bóng tại chỗ - Chuyển, bắt bóng qua đầu, qua chân	
8	Trẻ thể hiện nhanh, mạnh, khéo trong thực hiện bài tập tổng hợp - Trẻ biết chạy liên tục theo hướng thẳng 15 m trong 10 giây.	- Chạy chậm 60 - 80 m - Chạy 15 m trong khoảng 10 giây	
9	Trẻ biết ném trúng đích ngang (xa 2 m)	- <i>Ném trúng đích ngang (xa 2 m)</i> - Ném xa bằng 1 tay, 2 tay	

10	Trẻ biết bò trong đường dích dắc (3 - 4 điểm dích dắc cách nhau 2m) không lệch ra ngoài.	- <i>Bò dích dắc qua 3-4 điểm</i> - Bò dích dắc qua 5 điểm - Bò bằng bàn tay và bàn chân 3 - 4 m - Bò chui qua cổng, ống dài 1,2 m x 0,6 m - Trườn theo hướng thẳng - Trèo qua ghế dài 1,5 m x 30 cm - Trèo lên, xuống 5 giống thang	
11	Trẻ thực hiện được các vận động: - Trẻ biết cuộn - xoay tròn cổ tay - Trẻ biết gập, mở các ngón tay.	- Vo, xoay, xoắn, vặn, búng ngón tay, vê, véo, vuốt, miết, ấn bàn tay, ngón tay, gấn, nôi, cuộn, xoay tròn cổ tay; gập, mở các ngón tay...	
12	Trẻ phối hợp được cử động bàn tay, ngón tay, phối hợp tay - mắt trong một số hoạt động: - Trẻ biết vẽ hình người, nhà, cây. - Trẻ biết cắt thành thạo theo đường thẳng. - Trẻ biết xây dựng, lắp ráp với 10-12 khối - Trẻ biết tết sợi đôi - Trẻ biết tự cài, cởi cúc, buộc dây giày	- Gấp giấy - Tô, vẽ hình - Xẽ, cắt đường thẳng - Lắp ghép hình - Tết sợi - Cài, cởi, khâu, buộc dây	

b. Giáo dục dinh dưỡng và sức khỏe			
13	Trẻ khoẻ mạnh, cân nặng, chiều cao phát triển bình thường theo lứa tuổi Cân nặng của trẻ trai: 14,1 - 24,2 kg Cân nặng của trẻ gái: 13,7 - 24,9 kg Chiều cao của trẻ trai: 100,7 - 119,2 cm Chiều cao của trẻ gái: 99,9 - 118,9 cm	- Chế độ dinh dưỡng hợp lý đáp ứng với nhu cầu phát triển của trẻ theo độ tuổi. - Kiểm tra sức khỏe cho trẻ 2 lần/năm - Cân đo: + Đối với trẻ phát triển bình thường, cân đo 3 tháng/lần + Đối với trẻ SDD, béo phì thì theo dõi 1 lần/tháng - Đánh giá tình trạng dinh dưỡng của trẻ theo biểu đồ pha	
14	Trẻ biết 1 số thực phẩm cùng nhóm: - Trẻ biết thịt, cá... có nhiều chất đạm. - Trẻ biết rau, quả chín có nhiều vitamin	- Nhận biết một số thực phẩm thông thường trong các nhóm thực phẩm (trên tháp dinh dưỡng)	
15	Trẻ nói được tên một số món ăn hằng ngày và dạng chế biến đơn giản: rau có thể luộc, nấu canh; thịt có thể luộc, rán, kho; gạo nấu cơm, nấu cháo...	- Nhận biết dạng chế biến đơn giản của một số thực phẩm	

16	Trẻ biết ăn để cao lớn, khỏe mạnh, thông minh và biết ăn nhiều để có đủ chất dinh dưỡng.	- Nhận biết các bữa ăn trong ngày và ích lợi của ăn uống đủ lượng và đủ chất - Nhận biết sự liên quan giữa ăn uống với bệnh tật (ỉa chảy, sâu răng, suy dinh dưỡng, béo phì...) - Giữ gìn, sử dụng tiết kiệm các loại thực phẩm tránh bị ôi, thiu	
17	Trẻ thực hiện được một số việc khi được nhắc nhở: - Trẻ biết tự rửa tay bằng xà phòng. Tự lau mặt, đánh răng - Trẻ biết tự thay quần áo khi bị ướt, bẩn.	- Tập đánh răng, lau mặt - Rèn luyện thao tác rửa tay bằng xà phòng. - <i>Tự chuẩn bị, lựa chọn đồ dùng cá nhân để đến trường: ba lô, quần áo, giày dép... ; để tham gia các hoạt động tham quan: Tham quan trường tiểu học...</i> - <i>KN sống hài hoà với môi trường tự nhiên: Giữ, gìn, sử dụng tiết kiệm các đồ dùng sinh hoạt hằng ngày (quần áo, giày dép, bánh xà phòng, khăn mặt..)</i>	:
18	Trẻ biết tự cầm bát, thìa xúc ăn gọn gàng, không rơi vãi, đổ thức ăn	- <i>Trẻ giúp cô kê bàn ăn, tự cất bát thìa sau khi ăn.</i> - <i>KN tự phục vụ: Kê bàn, tự cầm bát, thìa xúc ăn không làm rơi vãi thức ăn, lấy ghế.</i>	

19	Trẻ có một số hành vi tốt trong ăn uống: - Trẻ biết mời cô, mời bạn khi ăn; ăn từ tốn, nhai kĩ. - Trẻ biết chấp nhận ăn rau và ăn nhiều loại thức ăn khác nhau - Trẻ biết không uống nước lã	- Tập luyện một số thói quen tốt về giữ gìn sức khỏe + <i>Mời cô, mời bạn khi ăn; ăn từ tốn, nhai kĩ.</i> + <i>Chấp nhận ăn rau và ăn nhiều loại thức ăn khác nhau...</i> - <i>KN bảo vệ sức khỏe và an toàn: Không đùa nghịch khi ăn, không uống nước lã, ăn uống đúng giờ, đủ chất..</i>	
20	Trẻ có một số hành vi tốt trong vệ sinh, phòng bệnh khi được nhắc nhở: - Trẻ biết vệ sinh răng miệng, đội mũ khi ra nắng, mặc áo ấm, đi tất khi trời lạnh, đi dép giày khi đi học - Trẻ biết nói với người lớn khi bị đau, chảy máu hoặc sốt... - Trẻ biết đi vệ sinh đúng nơi quy định - Trẻ biết bỏ rác đúng nơi quy định	- Lựa chọn và sử dụng trang phục (giày, dép, mũ) phù hợp với thời tiết. - Ích lợi của mặc trang phục phù hợp với thời tiết - Nhận biết một số biểu hiện khi ốm và cách phòng tránh đơn giản: Nói với người lớn khi bị đau, chảy máu... - <i>Bảo vệ chăm sóc sức khỏe bản thân. Chăm sóc mắt, mũi, tai, miệng...</i> - Đi vệ sinh đúng nơi quy định - Lợi ích của việc giữ gìn vệ sinh thân thể, vệ sinh môi trường đối với sức khỏe con người - <i>Bỏ rác đúng nơi quy định; (Không nhổ bậy ra lớp)</i> - <i>Sử dụng các vật liệu tự nhiên/tái chế phân loại rác thải.</i>	

- Trẻ nhận ra bàn là, bếp đang đun, phích nước nóng... là nguy hiểm, không đến gần.
Biết các vật sắc, nhọn không nên nghịch.

- Nhận biết và phòng tránh những hành động nguy hiểm, những vật dụng nguy hiểm đến tính mạng như: *Bếp ga, bếp củi, bình ga, bật lửa, phích nước nóng,...*
- *Nhận biết được nguồn lửa, nguồn nhiệt và một số vật dụng có thể gây cháy, nổ: bếp ga, bếp củi, bình ga, bật lửa, bao diêm...*
- *Biết cách phòng tránh nguồn lửa, nguồn nhiệt và 1 số sự cố có thể gây cháy nổ có thể xảy ra: Không được đến gần bếp nấu, không nghịch bật lửa, bao diêm...*
- *Biết các tín hiệu, phương tiện báo động cháy và có hành động phù hợp khi nghe báo cháy: Nghe thấy tiếng báo động thì trẻ chạy ra khỏi nơi đang ở*
- *KN xử lý khi gặp đám cháy, nổ, hoả hoạn.*
- *Ứng phó khi có đám cháy/gặp nạn: Nằm áp sát xuống nền nhà cạnh chân tường/hô to gọi người lớn hoặc bỏ nhanh ra khỏi chỗ đám cháy...*

22	- Trẻ nhận ra những nơi như: ao, hồ, nương nước, suối, bể chứa nước... Là nơi nguy hiểm, không được chơi gần. - Trẻ có kỹ năng ứng phó phù hợp trước và sau thiên tai	- Nhận biết và phòng tránh những nơi không an toàn như: <i>Khe suối, bể nước, ao, hồ, bụi rậm, nơi có nguy cơ sạt lở, ... khu vực an toàn của trường/ nơi lánh nạn khi có thiên tai, hoạt động phòng chống thiên tai của gia đình.</i> - Phòng tránh đuối nước, ao hồ.	
23	Trẻ biết một số hành động nguy hiểm và phòng tránh khi được nhắc nhở: - Trẻ Không cười đùa trong khi ăn, uống hoặc khi ăn các loại quả có hạt... - Trẻ Không ăn thức ăn có mùi ôi; không ăn lá, quả lạ....không uống rượu, bia, cà phê; không tự ý uống thuốc khi không được phép của người lớn. - Trẻ không được ra khỏi trường khi không được phép của cô giáo.	- Nhận biết và phòng tránh những hành động nguy hiểm đến tính mạng <i>như: Không cười đùa trong khi ăn, uống...</i> - <i>Không ăn thức ăn có mùi ôi; không ăn lá, quả lạ....không uống rượu, bia, cà phê; không tự ý uống thuốc khi không được phép của người lớn.</i> - <i>Không được ra khỏi trường khi không được phép của cô giáo.</i> - <i>KN sử dụng đồ dùng an toàn: KN nhận biết và phòng tránh những vật dụng nguy hiểm.</i>	
24	Trẻ nhận ra một số trường hợp nguy hiểm và gọi người giúp đỡ: - Trẻ biết gọi người lớn khi gặp một số trường hợp khẩn cấp: cháy, có người rơi xuống nước, ngã chảy máu. - Trẻ biết gọi người giúp đỡ khi bị lạc. Nói được tên, địa chỉ gia đình, số điện thoại người thân khi cần thiết.	- Nhận biết một số trường hợp khẩn cấp và gọi người giúp đỡ - <i>Thực hành một số tình huống có nguy cơ mất an toàn: + NB 1 số tình huống và cách xử lý khi bị lạc, bị bắt cóc, bị xâm hại, mắc kẹt trong không gian kín..</i> - <i>KN nhận biết các nguồn nhiệt nguy hiểm và cách phòng tránh.</i>	

2. Giáo dục phát triển nhận thức		
a. Khám phá khoa học		
25	Trẻ quan tâm đến những thay đổi của sự vật, hiện tượng xung quanh với sự gợi ý hướng dẫn của cô giáo như đặt câu hỏi về những thay đổi của sự vật, hiện tượng: "Vì sao cây lại héo?"; "Vì sao lá cây bị úớt"...	- Nguyên nhân gây ô nhiễm nguồn nước và cách bảo vệ nguồn nước. - Một số hiện tượng thời tiết theo mùa: <i>mùa xuân: đang nóng thì chuyển sang lạnh, nhiệt độ tăng giảm đột ngột..</i> và ảnh hưởng của nó đến sinh hoạt của con người. - Không khí, các nguồn ánh sáng và sự cần thiết của nó với cuộc sống con người, con vật và cây - <i>Hiện tượng nắng, mưa, nóng, lạnh và ảnh hưởng của nó đến sinh hoạt của trẻ.</i> - <i>Lợi ích của thực vật đối với phòng chống thiên tai: giữ nước, chống sạt lở đất, điều hoà không khí bảo vệ môi trường.</i> - <i>Khu vực an toàn của trường học/ nơi lánh nạn khi có thiên tai.</i>

26	Trẻ biết phối hợp các giác quan để xem xét sự vật, hiện tượng như kết hợp nhìn, sờ, ngửi, nếm... để tìm hiểu đặc điểm của đối tượng.	- Chức năng các giác quan và các bộ phận khác của cơ thể: <i>Mắt, mũi, tai, miệng, làn da,...</i> - <i>Biết bảo vệ các bộ phận trên cơ thể (bảo vệ đôi mắt, tai, mũi miệng, làn da)</i> - <i>Tên</i> đặc điểm, công dụng và cách sử dụng đồ dùng, đồ chơi <i>bằng tiếng việt</i> - <i>Nói tên được các từ, câu chỉ</i> đặc điểm bên ngoài của con vật, cây, hoa, quả gần gũi, ích lợi và tác hại đối với con người <i>rõ ràng bằng Tiếng việt.</i> - Một vài đặc điểm, tính chất của đất, đá, cát, sỏi - Các nguồn nước trong môi trường sống - Cách chăm sóc và bảo vệ con vật, cây. - <i>Yêu quý bảo vệ chăm sóc con vật thân thuộc.</i> - <i>KN bảo vệ sức khỏe và an toàn: Tiếp xúc an toàn với cây, con vật.</i>	
27	Trẻ biết làm thử nghiệm và sử dụng đơn giản để quan sát, so sánh, dự đoán. Ví dụ: pha màu / đường / muối vào nước, dự đoán, quan sát, so sánh	- Một số đặc điểm, tính chất của nước - <i>Sự phát triển của cây cối...</i> - <i>Làm thực nghiệm nước trong suốt, nước bay hơi, một vài chất tan trong nước</i>	
28	Trẻ biết thu thập thông tin về đối tượng bằng nhiều cách khác nhau: xem sách, tranh ảnh, nhận xét và trò chuyện.	- Suru tầm, làm sách truyện - Trò chuyện với người lớn, với bạn bè và nhận xét	
29	Trẻ biết phân loại các đối tượng theo một hoặc hai dấu hiệu	- Phân loại đồ dùng, đồ chơi theo 1-2 dấu hiệu - <i>Nói tên</i> đặc điểm, công dụng của một số phương tiện giao thông và phân loại theo 1-2 dấu hiệu <i>bằng tiếng việt.</i> - Phân loại cây, hoa, quả, con vật theo 1-2 dấu hiệu	
30	Trẻ nhận biết, phân biệt, nói tên, đặc điểm các từ, câu bằng tiếng việt trường, lớp, đồ chơi, đồ dùng, hành động, các giác quan trên cơ thể, màu sắc, các thành viên trong gia đình, nghề nghiệp, con vật, cây, hoa, quả, PTGT...	- <i>Kể tên và nói được đặc điểm bằng Tiếng việt các bộ phận, giác quan của cơ thể. màu sắc, các thành viên trong gia đình, nghề nghiệp, con vật, cây, hoa, quả, PTGT...</i>	

31	Trẻ biết nhận xét được một số mối quan hệ đơn giản của sự vật, hiện tượng gần gũi. Ví dụ: "Cho thêm đường / muối nên nước ngọt / mặn hơn". <i>- Trẻ biết một số thiên tai xảy ra ở Việt Nam và cách ứng xử đơn giản khi có thiên tai</i>	- Quan sát, phán đoán mối liên hệ đơn giản giữa con vật cây với môi trường sống - Ích lợi của nước với đời sống con người, con vật và cây - <i>Ứng phó với sự thay đổi của thời tiết/môi trường.</i> - <i>Đặt câu hỏi: Sự thay đổi của thời tiết/môi trường.</i> - <i>Yêu quý bảo vệ cảnh quan môi trường.</i> - <i>Dấu hiệu đặc trưng của từng loại thiên tai:</i> - <i>Động đất: Ra chỗ đất trống...; Sắm sét tránh xa đường dây điện, cây to, các vật dụng kim loại.</i> - <i>Sạt lở: Đất đá trên các sườn dốc của đồi núi trượt từ trên xuống.</i> - <i>Lũ: Là hiện tượng mực nước và tốc độ của dòng chảy trên sông, suối vượt qua mức bình thường.</i> - <i>Mưa đá: mưa kèm theo những viên nước đá có hình dạng và kích thước khác nhau rơi xuống đất</i> - <i>KN: Ứng phó khi gặp mưa gió bão; HD trẻ 1 số KN khi gặp mưa, gió bão...</i> - <i>Nhận biết một số luật giao thông đơn giản và tham gia giao thông đúng luật như: Đội mũ bảo hiểm khi ngồi xe máy, đi bên tả li dương...</i>	
----	--	--	--

32	Trẻ sử dụng cách thức thích hợp để giải quyết vấn đề đơn giản. Ví dụ: "Làm cho ván dốc hơn để ô tô đồ chơi chạy nhanh hơn."	- Một số mối liên hệ đơn giản giữa đặc điểm cấu tạo với cách sử dụng của đồ dùng, đồ chơi quen thuộc	
33	Trẻ biết nhận xét, trò chuyện về đặc điểm, sự khác nhau giống nhau của các đối tượng được quan sát.	- Sự khác nhau giữa ngày và đêm - So sánh sự khác nhau và giống nhau của 2-3 đồ dùng, đồ chơi. - So sánh sự khác nhau và giống nhau của 2 con vật, cây, hoa, quả.	
34	Trẻ thể hiện một số biểu hiện về đối tượng qua hoạt động chơi, âm nhạc và tạo hình	- <i>Chơi các góc, nhóm chơi như: Âm nhạc, tạo hình, trò chơi đóng vai gia đình, bác sỹ xây dựng...</i>	
35	<i>Trẻ nhận biết và kể tên bằng tiếng việt trường, lớp, đồ chơi, đồ dùng, hành động, các giác quan trên cơ thể, các thành viên trong gia đình, màu sắc, nghề nghiệp quen thuộc, một số con vật, cây, hoa, quả, PTGT, mùa hè...</i>	<i>- Nhận biết và kể tên bằng tiếng việt trường, lớp, đồ chơi, đồ dùng, hành động, các giác quan trên cơ thể, các thành viên trong gia đình, màu sắc, nghề nghiệp quen thuộc, một số con vật, cây, hoa, quả, PTGT, mùa hè...</i>	
b. Làm quen với một số khái niệm sơ đẳng về toán			
36	Trẻ biết quan tâm đến chữ số, số lượng như thích đếm các vật ở xung quanh, hỏi: "Bao nhiêu?"; "Là số mấy?"	- <i>Thích đếm các vật ở xung quanh</i> - <i>Phát hiện chữ số ở môi trường xung quanh</i> - <i>Hứng thú tham gia các hoạt động đếm số lượng, chữ số ở lớp.</i>	
37	Trẻ biết đếm trên đối tượng trong phạm vi 10	- Đếm trên đối tượng trong phạm vi 10 và đếm theo khả năng	

38	Trẻ biết so sánh số lượng của hai nhóm đối tượng trong phạm vi 10 bằng các cách khác nhau và nói được các từ: bằng nhau, nhiều hơn, ít hơn.	- So sánh số lượng của 2 nhóm trong phạm vi 10 bằng các cách khác nhau và nói được các từ: bằng nhau, nhiều hơn, ít hơn.	
39	Trẻ biết gộp hai nhóm đối tượng có số lượng trong phạm vi 5, đếm và nói kết quả	- Gộp hai nhóm đối tượng và đếm <i>trong phạm vi 5</i>	
40	Trẻ biết tách một nhóm đối tượng thành hai nhóm nhỏ hơn.	- Tách một nhóm đối tượng thành các nhóm nhỏ hơn.	
41	Trẻ biết sử dụng các số từ 1-5 để chỉ số lượng, số thứ tự.	- Chữ số, số lượng và số thứ tự trong phạm vi 5	
42	Trẻ nhận biết ý nghĩa các con số được sử dụng trong cuộc sống hàng ngày	- Nhận biết ý nghĩa các con số được sử dụng trong cuộc sống hàng ngày (số nhà, biển số xe...)	
43	Trẻ nhận ra quy tắc sắp xếp của ít nhất 3 đối tượng và sao chép lại.	- So sánh, phát hiện quy tắc sắp xếp và sắp xếp theo quy tắc. - Xếp tương ứng 1-1, ghép đôi	
44	Trẻ sử dụng được dụng cụ để đo độ dài, dung tích của 2 đối tượng, nói kết quả đo và so sánh.	- Đo độ dài một vật bằng một đơn vị đo - Đo dung tích bằng một đơn vị đo	
45	Trẻ biết chỉ ra các điểm giống, khác nhau giữa hai hình (tròn và tam giác, vuông và chữ nhật...)	- So sánh sự khác nhau và giống nhau của các hình: hình vuông, hình tam giác, hình tròn, hình chữ nhật.	
46	Trẻ biết sử dụng các vật liệu khác nhau để tạo ra các hình đơn giản	- Chắp ghép các hình hình học để tạo thành các hình mới theo ý thích và theo yêu cầu.	
47	Trẻ biết sử dụng lời nói và hành động để chỉ vị trí của đồ vật so với người khác	- Xác định vị trí của đồ vật so với bản thân trẻ và so với bạn khác (phía trước - phía sau; phía trên - phía dưới; phía phải - phía trái)	
48	Trẻ biết mô tả các sự kiện xảy ra theo trình tự thời gian trong ngày.	- Nhận biết các buổi: sáng, trưa, chiều, tối.	
c. Khám phá xã hội			

49	Trẻ biết nói họ, tên, tuổi, giới tính của bản thân khi được hỏi, trò chuyện.	- Họ tên, tuổi, giới tính, đặc điểm bên ngoài, sở thích của bản thân <i>Phân biệt được bạn trai, bạn gái.</i> <i>- Thể hiện khả năng sở trường của bản thân.</i>	
50	Trẻ biết nói họ, tên và công việc của bố, mẹ, các thành viên trong gia đình khi được hỏi, trò chuyện, xem ảnh về gia đình.	- Họ tên, công việc của bố mẹ, những người thân trong gia đình và công việc của họ, Một số nhu cầu của gia đình.	
51	Trẻ biết nói địa chỉ của gia đình mình (số nhà, đường phố / thôn, xóm) khi được hỏi, trò chuyện.	- Địa chỉ gia đình (số nhà, đường phố / thôn, xóm)	
52	Trẻ biết nói tên và địa chỉ của trường, lớp khi được hỏi, trò chuyện.	- <i>Nói được rõ ràng bằng Tiếng Việt:</i> Tên, địa chỉ của trường, lớp.	
53	Trẻ biết nói tên, một số công việc của cô giáo và các bác công nhân viên trong trường khi được hỏi, trò chuyện.	- <i>Nói được rõ ràng bằng Tiếng Việt :</i> Tên và công việc của cô giáo và các cô bác ở trường.	
54	Trẻ biết nói tên và một vài đặc điểm của các bạn trong lớp khi được hỏi, trò chuyện <i>bằng tiếng việt</i>	- Họ tên và một vài đặc điểm của bạn; Các hoạt động của trẻ ở trường	
55	Trẻ biết kể tên, công việc, công cụ, sản phẩm / ích lợi... của một số nghề khi được hỏi, trò chuyện.	- Tên gọi, công cụ, sản phẩm, các hoạt động và ý nghĩa của các nghề biển, nghề truyền thống của địa phương <i>- Một số nghề có vai trò, trách nhiệm tham gia vào công tác phòng chống thiên tai và ứng phó với BĐKH; dự báo khí tượng thủy văn, phát thanh viên chương trình dự báo thời tiết, công nhân vệ sinh môi trường, cứu hộ cứu nạn, ...</i>	

56	Trẻ biết kể tên và nói đặc điểm của một số ngày lễ hội.	- Tên gọi, đặc điểm của một số lễ hội: Ngày hội đến trường, Ngày Tết Trung thu; 20/11; Tết nguyên đán; tết dân tộc; 8/3, sinh nhật Bác Hồ	
57	Trẻ biết kể tên và nêu một vài đặc điểm của cảnh đẹp, di tích lịch sử ở địa phương	- Đặc điểm nổi bật của một số di tích, danh lam, thắng cảnh, sự kiện văn hóa của quê hương, đất nước: Ngày hội đến trường, Ngày Tết Trung thu; 20/11; Tết nguyên đán; tết dân tộc; 8/3 - Một vài cảnh đẹp, lễ hội, quê hương, đất nước, một số địa danh liên quan đến Bác Hồ. Tìm hiểu về quê hương Điện Biên và nói được một số từ địa danh ở Điện Biên: Tượng đài chiến thắng Điện Biên Phủ, đồi A1, hầm Đờ Cát.	
3. Giáo dục phát triển ngôn ngữ			
a. Nghe			
58	Trẻ thực hiện được 2,3 yêu cầu liên tiếp, ví dụ: "Cháu hãy lấy hình tròn màu đỏ gắn vào bông hoa màu vàng:.	- Hiểu và làm theo được 2 -3 yêu cầu.	

59	Trẻ hiểu nghĩa từ khái quát: ra quả, con vật, đồ gỗ,....	- Hiểu các từ chỉ đặc điểm, tính chất, công dụng và các từ biểu cảm - Nghe hiểu nội dung các câu đơn, câu mở rộng, câu phức - <i>Hiểu ý nghĩa của từ biến đổi khí hậu, giải thích nguyên nhân, diễn biến của BĐKH theo mối liên hệ đơn giản: Vì chặt phá rừng nên bị lũ lụt, sạt lở đất.</i>	
60	Trẻ biết lắng nghe và trao đổi với người đối thoại	- Nghe hiểu nội dung truyện kể, truyện đọc phù hợp với độ tuổi. - Nghe các bài hát, bài thơ, ca dao, đồng dao, tục ngữ, câu đố, hò, vè phù hợp với độ tuổi.	
b. Nói			
61	Trẻ nói rõ để người nghe có thể hiểu được <i>Trẻ nói được tiếng việt khi người lớn yêu cầu.</i>	- Phát âm các tiếng có chứa các âm khó. - <i>Nói rõ ràng các từ, câu Tiếng việt chỉ tên, tuổi trường, lớp, đồ chơi, đồ dùng, màu sắc, hành động, nghề nghiệp quen thuộc, một số hoa, quả, con vật, PTGT, mùa hè...</i>	
62	Trẻ sử dụng được các từ chỉ sự vật, hoạt động, đặc điểm...	- <i>Các từ chỉ sự vật, hoạt động, đặc điểm trong giao tiếp</i>	

63	Trẻ sử dụng được các loại câu đơn, câu ghép, câu khẳng định, câu phủ định.	- Trả lời và đặt các câu hỏi : " Ai?": " Cái gì?": " Ở đâu?", "Khi nào?": " Để làm gì?. - Bày tỏ tình cảm nhu cầu và hiểu biết của bản thân bằng các câu đơn câu ghép - <i>Nghe chăm chú</i> - <i>Biết đặt câu hỏi</i> - <i>Trình bày ý kiến cá nhân</i>	
64	Trẻ biết kể lại sự việc theo trình tự	- Kể lại truyện đã được nghe - Mô tả sự vật, hiện tượng, tranh ảnh. - Kể lại sự việc có nhiều tình tiết.	
65	Trẻ đọc thuộc bài thơ, ca dao, đồng dao...	- Đọc thơ, ca dao, đồng dao, tục ngữ, hò vè - <i>Đọc biểu cảm kết hợp cử chỉ, điệu bộ khi đọc bài thơ, đồng dao đơn giản</i>	
66	Trẻ biết kể chuyện có mở đầu, kết thúc.	- <i>Kể lại truyện đã được nghe có mở đầu, kết thúc</i>	
67	Trẻ biết bắt chước giọng nói, điệu bộ của nhân vật trong truyện.	- Đóng kịch - <i>Bắt chước giọng nói, điệu bộ của nhân vật trong truyện</i>	
68	Trẻ biết sử dụng các từ như: "Mời cô"; "Mời bạn"; "Cảm ơn"; "Xin lỗi trong giao tiếp	- Sử dụng các từ biểu thị từ lễ phép	
69	Trẻ biết điều chỉnh giọng nói phù hợp với hoàn cảnh khi được nhắc nhở.	- Nói và thể hiện cử chỉ điệu bộ nét mặt phù hợp với yêu cầu hoàn cảnh giao tiếp	

		- KN kiểm soát cảm xúc: Thể hiện cảm xúc của bản thân phù hợp với hoàn cảnh, nhận biết cảm xúc của bản thân. - KN giao tiếp xã hội: Ứng xử phù hợp với người lớn giao tiếp	
c. Làm quen với việc đọc - viết			
70	Trẻ biết chọn sách để xem	- Xem và nghe, đọc các loại sách khác nhau - Giữ gìn bảo vệ sách	
71	Trẻ biết mô tả hành động của các nhân vật trong tranh.	- <i>Mô tả hành động của các nhân vật trong tranh</i>	
72	Trẻ biết cầm sách đúng chiều và giở từng trang để xem tranh ảnh. "Đọc" sách theo tranh minh họa ("đọc vẹt").	- Phân biệt phần mở đầu kết thúc của sách - "Đọc" truyện qua các tranh vẽ - Làm quen với cách đọc và viết tiếng việt: + Hướng đọc, viết: Từ trái sang phải, từ dòng trên xuống dòng dưới + Hướng viết của các nét chữ; Đọc, ngắt, nghỉ sau các dấu	
73	Trẻ nhận ra kí hiệu thông thường trong cuộc sống: Nhà vệ sinh, cấm lửa nơi nguy hiểm...	- Làm quen với một số ký hiệu thông thường trong cuộc sống (Nhà vệ sinh, lối ra, nơi nguy hiểm, biển báo giao thông....)	
74	Trẻ biết sử dụng kí hiệu để "viết": tên, làm vé tàu, thiệp chúc mừng...	- Nhận dạng một số chữ cái	

4. Giáo dục phát triển tình cảm và kĩ năng xã hội			
75	Trẻ nói được tên, tuổi, giới tính của bản thân, tên bố, mẹ.	- Tên, tuổi, giới tính - <i>Bình đẳng giới</i> - <i>Tên bố, tên mẹ</i>	
76	Trẻ nói được điều bé thích, không thích, những việc gì bé có thể làm được	- Sở thích, khả năng của bản thân	
77	Trẻ biết tự chọn đồ chơi, trò chơi theo ý thích	- <i>Tự chọn đồ chơi, trò chơi theo ý thích</i>	
78	Trẻ biết cố gắng hoàn thành công việc được giao (trực nhật, dọn đồ chơi).	- <i>Cố gắng hoàn thành công việc được giao (trực nhật, dọn đồ chơi).</i> - <i>Vui vẻ nhận công việc được giao</i> - <i>Mạnh dạn tự tin trong sinh hoạt, trong giao tiếp, mạnh</i> - <i>dạn chia sẻ thông tin của bản thân với mọi người.</i>	
79	Trẻ nhận biết cảm xúc vui, buồn, sợ hãi, tức giận, ngạc nhiên qua nét mặt, lời nói cử chỉ, qua tranh, ảnh.	- Nhận biết một số trạng thái cảm xúc (Vui, buồn, sợ hãi, tức giận, ngạc nhiên) qua nét mặt, cử chỉ, giọng nói - qua tranh ảnh .	
80	Trẻ biết biểu lộ một số cảm xúc: vui, buồn, sợ hãi, tức giận, ngạc nhiên.	- Biểu lộ trạng thái cảm xúc, tình cảm phù hợp qua cử chỉ, giọng nói; trò chơi; hát, vận động, vẽ, nặn, xếp hình	

81	Trẻ nhận ra hình ảnh Bác Hồ, Lăng Bác Hồ.	- Nhận ra hình ảnh Bác Hồ, Lăng Bác Hồ. Trẻ biết Bác Hồ rất yêu các cháu thiếu nhi.	
82	Trẻ biết thể hiện tình cảm đối với Bác Hồ qua hát, đọc thơ, cùng cô kể chuyện về Bác Hồ.	- Kính yêu Bác Hồ - Thể hiện tình cảm đối với Bác Hồ qua hát, đọc thơ cùng cô kể chuyện về Bác Hồ.	
83	Trẻ biết một vài cảnh đẹp, lễ hội của quê hương, đất nước	- Quan tâm đến di tích lịch sử, cảnh đẹp, lễ hội của quê hương đất nước Ngày hội đến trường, Ngày Tết Trung thu; 20/11; Tết nguyên đán; tết dân tộc; 8/3. - Tìm hiểu về quê hương Điện Biên và nói được một số từ địa danh ở Điện Biên: Tượng đài chiến thắng Điện Biên Phủ, đồi A1, hầm Đờ Cát.	
84	Trẻ thực hiện được một số quy định ở lớp và gia đình: sau khi chơi cất đồ chơi vào nơi quy định, giờ ngủ không làm ồn, vâng lời ông bà, bố mẹ	- Một số quy định ở lớp, gia đình và nơi công cộng (Đề đồ dùng, đồ chơi đúng chỗ; trật tự khi ăn, khi ngủ; đi bên phải lề đường - Sử dụng đồ chơi, đồ dùng của nhà trường tiết kiệm, tái sử dụng phế liệu làm đồ chơi, đồ dùng dạy học.	

85	Trẻ biết nói cảm ơn, xin lỗi, chào hỏi lễ phép.	- Phân biệt hành vi "đúng"- "sai", "tốt"- "xấu" - Yêu mến, quan tâm đến người thân trong gia đình - Quan tâm, giúp đỡ bạn - <i>Chào hỏi, xưng hô lễ phép với người lớn</i> - <i>Cảm ơn khi được giúp đỡ hoặc cho quà</i> - <i>Thể hiện sự ăn năn, áy náy, xấu hổ, lo lắng khi phạm lỗi và nói lời xin lỗi.</i>	
86	Trẻ chú ý nghe khi cô, bạn nói.	- Lắng nghe ý kiến của người khác, sử dụng lời nói và cử chỉ lễ phép	
87	Trẻ biết chờ đến lượt khi được nhắc nhở.	- Chờ đến lượt, hợp tác	
88	Trẻ biết trao đổi, thỏa thuận với bạn để cùng thực hiện hoạt động chung (chơi, trực nhật....)	- <i>Trao đổi, thỏa thuận, phối hợp với các bạn cùng thực hiện hoạt động tập thể (chơi, trực nhật....)</i>	
89	Trẻ thích chăm sóc cây, con vật quen thuộc.	- Bảo vệ, chăm sóc con vật và cây cối. <i>Cho con vật quen thuộc, hiền lành ăn.</i>	
90	Trẻ biết bỏ rác đúng nơi quy định.	- Giữ gìn vệ sinh môi trường - <i>Bảo vệ môi trường, cảnh quan của nhà trường.</i> - <i>Bỏ rác đúng nơi quy định</i>	
91	Trẻ không bẻ cành, bứt hoa.	- <i>Không bẻ cành, bứt hoa.</i>	
92	Trẻ không để tràn nước khi rửa tay, tắt quạt, tắt điện khi ra khỏi phòng.	- Tiết kiệm điện nước - <i>Không để tràn nước khi rửa tay, tắt quạt, tắt điện khi ra khỏi phòng.</i>	

5. Giáo dục phát triển thẩm mỹ		
93	Trẻ vui sướng, vỗ tay, làm động tác mô phỏng và sử dụng các từ gợi cảm nói lên cảm xúc của mình khi nghe các âm thanh gợi cảm và ngắm nhìn vẻ đẹp của các sự vật, hiện tượng	- Bộc lộ cảm xúc phù hợp khi nghe âm thanh gợi cảm, các bài hát, bản nhạc và ngắm nhìn vẻ đẹp của các sự vật hiện tượng trong thiên nhiên, cuộc sống và tác phẩm nghệ thuật.
94	Trẻ chú ý nghe, thích thú (hát, vỗ tay, nhún nhảy, lắc lư) theo bài hát, bản nhạc thích nghe và đọc thơ, đồng dao, ca dao, tục ngữ; thích nghe và kể câu chuyện.	- Nghe và nhận ra các loại nhạc khác nhau (Nhạc thiếu nhi, dân ca). <i>- Khuyến khích trẻ chú ý lắng nghe, thích thú vỗ tay, làm động mô phỏng và sử dụng các từ gợi cảm khi nghe âm thanh gợi cảm</i>
95	Trẻ thích thú, ngắm nhìn, chỉ, sờ và sử dụng các từ gợi cảm nói lên cảm xúc của mình (về màu sắc, hình dáng...) của các tác phẩm tạo hình.	<i>- Ngắm nhìn, chỉ, sờ và sử dụng các từ gợi cảm nói lên cảm xúc của mình (về màu sắc, hình dáng...) của các tác phẩm tạo hình.</i>
96	Trẻ hát đúng giai điệu, lời ca, hát rõ lời và thể hiện sắc thái của bài hát qua giờ hát, nét mặt, điệu bộ...	- Hát đúng giai điệu lời ca và thể hiện sắc thái, tình cảm của bài hát
97	Trẻ biết vận động nhịp nhàng theo nhịp điệu các bài hát, bản nhạc với các hình thức (vỗ tay theo nhịp, tiết tấu, múa)	- Vận động nhịp nhàng theo giai điệu, nhịp điệu của các bài hát, bản nhạc - Sử dụng các dụng cụ gõ đệm theo phách nhịp tiết tấu

98	Trẻ biết phối hợp các nguyên vật liệu tạo hình để tạo ra sản phẩm.	- Phối hợp các nguyên vật liệu tạo hình, vật liệu trong thiên nhiên để tạo ra các sản phẩm	
99	- Trẻ biết vẽ phối hợp các nét thẳng, xiên, ngang, cong tròn tạo thành bức tranh có màu sắc và bố cục.	- Sử dụng các kỹ năng vẽ, nặn, cắt, xé dán, xếp hình để tạo ra sản phẩm có màu sắc, kích thước, hình dáng/đường nét	
100	- Trẻ biết xé, cắt theo đường thẳng, đường cong... và dán thành sản phẩm có màu sắc, bố cục.	- Sử dụng các kỹ năng xé, cắt theo đường thẳng, đường cong và dán thành sản phẩm có màu sắc, bố cục	
101	- Trẻ biết làm lồm, dỗ bẹt, bẻ loe, vuốt nhọn, uốn cong đất nặn để nặn thành sản phẩm có nhiều chi tiết.	- Sử dụng các kỹ năng làm lồm, dỗ bẹt, bẻ loe, vuốt nhọn, uốn cong đất nặn để nặn thành sản phẩm có nhiều chi tiết	
102	Trẻ biết phối hợp các kỹ năng xếp hình để tạo thành sản phẩm có kiểu dáng, màu sắc khác nhau	- Sử dụng các kỹ năng xếp hình để tạo thành sản phẩm có kiểu dáng, màu sắc khác nhau	
103	Trẻ biết nhận xét các sản phẩm tạo hình về màu sắc, đường nét, hình dáng	- Nhận xét sản phẩm tạo hình về màu sắc, hình dáng/đường nét. <i>- Giữ gìn sản phẩm</i>	
104	Trẻ biết lựa chọn và tự thể hiện hình thức vận động theo bài hát, bản nhạc.	- Lựa chọn, thể hiện các hình thức vận động theo nhạc	
105	Trẻ biết lựa chọn dụng cụ để gõ đệm theo nhịp điệu, tiết tấu bài hát.	- Lựa chọn dụng cụ âm nhạc để gõ đệm theo nhịp điệu bài hát	
106	Trẻ biết nói lên ý tưởng và tạo ra các sản phẩm tạo hình theo ý thích	- Nói lên ý tưởng tạo hình của mình. - Tự chọn dụng cụ, nguyên vật liệu để tạo ra các sản phẩm theo ý thích	
107	Trẻ biết đặt tên cho sản phẩm tạo hình	- Đặt tên cho sản phẩm tạo hình của mình	
108	<i>Trẻ biết thể hiện được một số hiểu biết về đối tượng qua hoạt động chơi, âm nhạc tạo hình</i>	<i>- Thể hiện sự hiểu biết qua các hoạt động âm nhạc, tạo hình, vui chơi: Hoạt động chơi ngoài trời, hoạt động góc.</i>	

DỰ KIẾN CHỦ ĐỀ VÀ THỜI GIAN THỰC HIỆN CHỦ ĐỀ LỚP 4 TUỔI NĂM HỌC 2025-2026

Thời gian	STT	Chủ đề	Chủ đề nhánh	Số tuần	Lễ /hội	Ghi chú
01/09 - 05/09/2025		Ổn định, rèn nề nếp				
8/9- 12/9	1	Trường mầm non	Trường Mầm non thân yêu của bé	1	Ngày hội đến trường	
15/9- 19/9			Lớp học thân yêu của bé	1		
22/9 -26/9			Đồ dùng, đồ chơi của bé	1		
29/9- 03/10	2	Bản thân	Bé là ai?	1		
06/10- 10/10			Bé vui tết Trung thu	1	Tết Trung thu (6/10)	
13/10 - 17/10			Bé cần gì để lớn lên và khỏe mạnh	1		
20/10 - 24/10	3	Gia đình	Gia đình sống chung một ngôi nhà	1	PNVN 20/10	
27/10- 31/10			Ngôi nhà thân yêu của bé	1		
03/11 - 7/11			Những đồ dùng trong gia đình bé	1		
10/11 -14/11	4	Nghề nghiệp	Nghề nông	1		
17/11 -21/11			Ngày hội của các cô giáo	1	Ngày NGVN 20/11	
24/11 -28/11			Nghề y	1		

01/12 -05/12			Nghề xây dựng	1		
8/12 - 12/12			Nghề phổ biến ở địa phương	1		
15/12 - 19/12	5	Động vật	Động vật nuôi trong gia đình	1		
22/12 -26/12			Động vật sống trong rừng	1	QĐNDVN 22/12	
29/12 – 2/1/2026			Động vật sống dưới nước	1		
5/1 -9 /1			Côn trùng và các loài chim	1		
12/1 - 16/1			Ôn		Kết thúc hk1 18/1	
19/1 - 23/1			Bé với các loại rau	1		
26/1- 30/1			Bé và các loại hoa, quả	1		
2/2-6/2	6	Cây xanh và mùa xuân	Một số loại cây xanh	1		
9/2 - 13/2			Tết và mùa xuân	1		
16 /2 - 20/2			Nghỉ tết nguyên đán		Tết nguyên đán	
23/2 -27/2			Cây lương thực	1		
2/3 - 6/3	7	Phương tiện và quy định giao thông	Phương tiện giao thông đường bộ	1	Tổ chức Ngày QTPN vào 6/3	
9/3 -13/3			Phương tiện giao thông đường thủy	1		
16/3 - 20/3			PTGT đường hàng không	1		

23/3 - 27/3			Một số luật lệ giao thông	1		
30/3 – 3/4	8	Hiện tượng tự nhiên	Sự kì diệu của nước	1		
06/04-10/04			Một số hiện tượng tự nhiên	1		
13/4 - 17/4			Bé học thời gian	1		
20/4- 24/4			Các mùa trong năm	1		
27/4- 1/5	9	QHĐN Bác Hồ - Trường tiểu học	Bản làng em	1	Giỗ tổ HV 10.3, 30/4, 1/5	
4/5- 8/5			Quê hương yêu dấu	1		
11/5-15/5			Em yêu thủ đô HN	1		
18/5-22/5			Bác hồ với các cháu thiếu nhi	1		

Pa Ham, ngày 04 tháng 09 năm 2025

NGƯỜI LẬP KẾ HOẠCH

TỔ TRƯỞNG CHUYÊN MÔN

PHÊ DUYỆT CM NHÀ TRƯỜNG

Đinh Thị Thu Hiền

Trần Thị Nết

Lò Thị Dương

